TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/HS-ST
Ngày: 17/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai
2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Ánh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 26/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2474/2019/QĐXXST- HS ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

Trần Văn B, sinh năm: 1991 tại huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số nhà 109/2, ấp G H, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn B1 và bà Trần Thị T; Họ tên vợ (không có đăng ký kết hôn): Trương Thị Bích T1, sinh năm: 1987; Bị cáo chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 31 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P; Lệnh số 38/LCCT-VKS ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 59/2019/HSST-QĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Lưu Văn M, sinh năm: 1991 tại huyện P, tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số nhà 37/1, ấp H, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lưu Văn C và bà Lê Thị X; Họ tên vợ: Phạm Thị Cẩm V, sinh năm: 1988; Bị cáo có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 30 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P; Lệnh số 39/LCCT-VKS ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P và Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 60/2019/HSST-QĐ, ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh P.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại*: Bà Bùi Thị L, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: Số nhà 23/3, ấp H, T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Ông Đào Văn D, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: ấp K, xã H, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. Anh Bùi Quang V, sinh năm: 1997; Nơi cư trú: Số nhà 34/3, ấp Q, xã L, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Anh Bùi Hoàng P, sinh năm: 2000; Nơi cư trú: ấp H, T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

4. Chị Trần Thị Bạch T, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: ấp H, T T, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

5. Anh Lưu Văn Th, sinh năm: 1978; Nơi cư trú: ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

6. Anh Lê Văn Q, sinh năm: 1980; Nơi cư trú: ấp G A, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

7. Anh Lê Long Tr, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: ấp G A, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

8. Anh Hồ Hữu T2, sinh năm: 1996; Nơi cư trú: ấp G H, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

9. Anh Lưu Thành Tr1, sinh năm: 1995; Nơi cư trú: ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

10. Chị Phạm Thị Ơ, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: ấp G, xã G, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 19/4/2019, bà Bùi Thị L, sinh năm 1983, cư trú: ấp H, T T, huyện P kêu anh Bùi Quang V và Bùi Hoàng P đến nhà anh Lê Văn Q, sinh năm 1980, ở ấp G, xã G, huyện P để đòi tiền mà anh Q đã vay của bà L. Khi anh V và P đến quán "Ốc Tr" do anh Lê Long Tr là em của anh Q làm chủ tìm anh Q đòi tiền

thì xảy ra cự cãi. Lúc này, tại quán của anh Truyền có Trần Văn B, Lưu Văn M, Lưu Văn Th và Hồ Hữu T2 đang ngồi uống bia. B dùng chai bia chọi vào anh V và anh P đuổi cả hai về. Trên đường về, anh V gọi điện thoại thông báo cho bà L biết sự việc nên bà L cùng ông Bùi Văn D là chồng của bà Lài đi xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe loại 07 chỗ ngồi biển kiểm soát 71A - 050.77 do bà Trần Thị Bạch T điều khiển đi đến quán của anh Tr để hỏi chuyện. Lúc này, anh V và anh P cũng cùng quay trở lại quán của anh Tr. Khi đến nơi, ông D xuống xe và lượm một khúc cây cầm theo đi vào trong quán của anh Tr thì xảy ra cự cãi, dẫn đến xô xát với Trần Văn B, Lưu Văn M, Lưu Văn Th và Hồ Hữu T2. Nhóm của B dùng vỏ chai bia và chai bia chưa sử dụng ném vào nhóm của ông D, còn nhóm của ông D dùng gạch, đá ném lại nhóm của B. B lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 50 - 60cm, lưỡi bầu ở tại quán của anh Tr đuổi theo dọa chém anh V. Cùng lúc này, M cũng lấy 01 con dao tự chế dài khoảng 50 - 60cm, lưỡi thẳng tại quán của anh Tr chạy đến phía sau xe ô tô biển kiểm soát 71A – 050.77 đang ở khu vực ấp Đ T, xã T P, huyện P, M cầm dao bằng hai tay chém 01 nhát trúng vào kính chắn gió phía sau của xe làm bể kính. Riêng B sau khi đuổi theo dọa chém anh V nhưng không kịp nên quay lại, thấy xe ô tô đang di chuyển chậm về hướng Cầu Ván thì B chặn đầu xe, cầm dao tự chế bằng tay trái chém 01 nhát vào nắp ca bô bên trái của xe ô tô làm móp và xước sơn xe.

Ngoài ra, trong lúc hai bên xảy ra xô xát đã dùng chai bia, gạch, đá ném qua lại gây ra trầy xước sơn ở một số nơi trên thân xe ô tô nhưng quá trình điều tra không xác định được người trực tiếp gây ra những vết trầy xước nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P đã kết luận:

- Nắp Ca bô bên trái bị móp, xước sơn dài 07cm, nơi rộng nhất 0,5cm; nơi hẹp nhất 0,01cm; bên phải bị xước sơn dài 13cm, nơi rộng nhất 02cm, nơi hẹp nhất 01cm. Chi phí sửa chữa làm đồng, sơn nắp ca bô một bên: 2.500.000 đồng/nắp ca bô * 02 nắp ca bô bên trái, phải là 5.000.000 đồng.

- Cản trước bên trái bị nứt bể phần nhựa có sơn màu trắng dài 10cm. Chi phí sơn, hàn cản trước bên trái là 3.000.000 đồng.

- Vết móp, xước sơn phần đuôi xe bên trái dài 2,5cm, nơi rộng nhất 0,9cm, nơi hẹp nhất 0,1cm. Chi phí sơn phần đuôi bên trái là 1.000.000 đồng.

- Cản sau bên phải có nhiều vết xước sơn trắng và phần nhựa màu đen dạng chấm không xác định rõ hình dạng và kích thước. Chí phí sơn phần cản sau bên phải là 2.000.000 đồng.

- Kính chắn gió sau kích thước 135cm * 52cm, độ dày của kính là 0,3cm (3ly). Thay mới kính chắn gió sau là 8.600.000 đồng.

- Nắp bảo vệ bằng nhựa không màu của đèn lái sau bên trái bị nứt không xác định được hình dạng. Do bộ phận đèn không tách phần rời phần nắp bảo vệ nên tính giá thay mới đèn lái sau bên trái là 3.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là: 22.600.000 đồng (Hai mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Vật chứng trong vụ án: 02 (hai) con dao tự chế, dài khoảng 50 - 60cm của anh Lê Long Tr dùng vào việc làm ốc, hào để bán. Sau khi B và M dùng 02 con dao trên gây hư hỏng tài sản thì vứt bỏ ven đường, quá trình điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu hồi được; Đối với xe ô tô biển kiểm soát 71A-050.77 đã được trả cho bị hại

Quá trình điều tra, Trần Văn B và Lưu Văn M đã chủ động thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bà Bùi Thị L với tổng số tiền là 50.300.000 đồng, bà L đã nhận đủ tiền và không yêu cầu bồi thường thêm. Bà L có đơn yêu cầu xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho B và M.

Tại Cáo trạng số 28/CT-VKS, ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh P đã truy tố Trần Văn B và Lưu Văn M về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự về án treo xử phạt bị cáo Trần Văn B và Lưu Văn M từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm.

- Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trần Văn B và Lưu Văn M đã bồi thường số tiền 50.300.000 đồng cho bị hại Bùi Thị L, bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xử lý xong vật chứng vụ án theo đúng quy định, nên ghi nhận, không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống nội dung Cáo trạng đã truy tố, thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật; tại phần nói lời sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án,căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn B và Lưu Văn M thừa nhận vào khoảng 17 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại khu vực ấp Đ T, xã T P, huyện P, tỉnh Bến Tre do có xảy ra mâu thuẫn, xô xát với ông D cùng những người đi cùng ông D, bà L dẫn đến việc bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M đã có hành vi dùng dao tự chế dài khoảng 50 – 60cm chém vào nắp ca bô, kính chắn gió làm móp nắp ca bô phía bên trái, xước sơn và bể kính chắn gió sau của xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Santafe loại 07 chỗ ngồi biển kiểm soát 71A - 050.77 của bà Bùi Thị L, với giá trị tài sản bị thiệt hại phần nắp ca bô bên trái là 2.500.000 đồng, kính chắn gió sau là 8.600.000 đồng. Đối chiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự thì *"Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm: a) Đã bị xử phạt*

vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này mà còn vi phạm;b) Đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;đ) Tài sản là di vật, cổ vật". Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M đã phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M là tự phát, không có dấu hiệu đồng phạm. Bị cáo B, M là người đã thành niên, có khả năng nhận thức và làm chủ hành vi nhưng xuất phát từ nóng giận nhất thời đã dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Giá trị tài sản do bị cáo B gây thiệt hại mặc dù thấp hơn bị cáo M, tuy nhiên bị cáo B là người chủ động cầm dao chém vào xe của bị hại trước, bị cáo M đáng lẽ phải can ngăn bị cáo B nhưng bị cáo M không can ngăn mà vẫn thực hiện hành vi làm hư hỏng tài sản của bị hại, do đó hành vi của các bị cáo khi thực hiện tội phạm trong vụ án này có vai trò, tính chất, mức độ ngang nhau. Xét đề nghị của bị hại về việc yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 29 Bộ luật hình sự quy định "*Người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại được người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự*". Tuy nhiên, các bị cáo không tự giác tự thú hoặc đầu thú khi sự việc xảy ra, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, hành vi đó không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc phẫn nộ và làm hoang mang tinh thần trong quần chúng nhân dân. Nếu xem xét miễn hình phạt cho các bị cáo theo đề nghị của bị hại sẽ tạo tiền lệ xấu về ý thức chấp hành pháp luật của công dân tại địa phương. Do đó, cần thiết xử lý hình sự đối với các bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho cộng đồng, đồng thời để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo Trần Văn B và Lưu Văn M chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải;

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo đã chủ động thỏa thuận và tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 50.300.000 đồng; Bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho các bị cáo và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ Luật hình sự về án treo xử phạt bị cáo Trần Văn B, bị cáo Lưu Văn M từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản". Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi mà bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M đã thực hiện và phù hợp với quy định pháp luật. Do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đối chiếu theo nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã G giám sát, giáo dục các bị cáo trong suốt thời gian thử thách thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xử lý xong vật chứng vụ án theo đúng quy định, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 tháng 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M phạm tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn B 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/10/2019.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn M 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/10/2019.

Giao bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện P nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về áp dụng hình phạt bổ sung: Do bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường 50.300.000 đồng, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xử lý xong vật chứng vụ án theo đúng quy định, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn B, Lưu Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THA DS huyện P;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên